Panasonic®

# Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

**Máy giặt tự động hoàn toàn**
**(Dùng cho gia đình)**

**Số model. NA-FD115W3**
**NA-FD105W3**

## Nội dung


| | |
|---|---|
| Lưu ý về an toàn | 2 |
| Tên các bộ phận / Phụ kiện | 6 |
| Trước khi giặt | 7 |
| Bảng vận hành | 8 |
| Giặt | 9 |
| Các chế độ khác nhau | 10 |
| Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy | 12 |
| Tự Động Nước Giặt/Xả | 14 |
| Các tùy chọn giặt | 16 |
| Các chức năng tiện dụng | 20 |
| Bảo dưỡng | 21 |
| Lắp đặt | 26 |
| Lỗi hiển thị | 30 |
| Xử lý sự cố | 32 |
| Nội dung các chế độ giặt | 35 |
| Thông số kỹ thuật | 36 |


**Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.**

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.


AWW9901CEWC0-0C0
A0623-0(V)
In tại Việt Nam
06-2023

# Lưu ý về an toàn

## ⚠ CẢNH BÁO

### Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

**Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.**

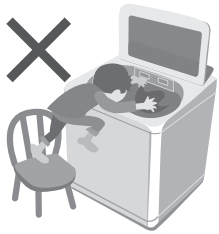

- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

**Không chạm vào lồng giặt cho đến khi lồng giặt dừng quay.**

- Nếu lồng giặt không dừng quay trong vòng 15 giây:

### Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.

**Không chạm khi tay ướt.**

**Không cầm hoặc kéo dây nguồn.**

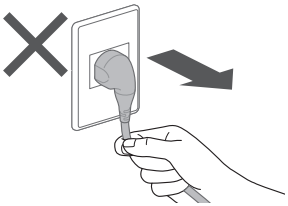

**Không sử dụng.**

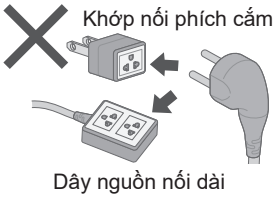


**Cắm chặt.**

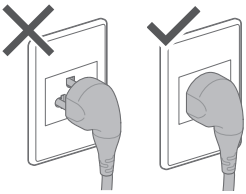

**Không sử dụng.**

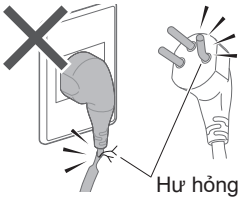


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

**Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.**

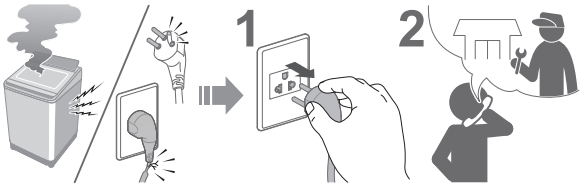


**Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.**

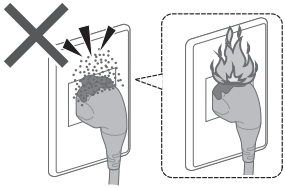

**Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.**

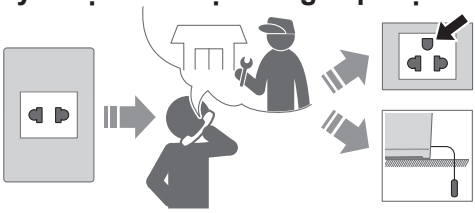

**Vệ sinh phích cắm định kỳ.**

**Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.**

Ví dụ)

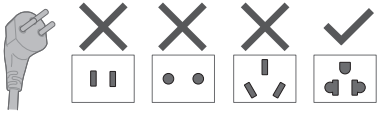

- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

**Để các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.**

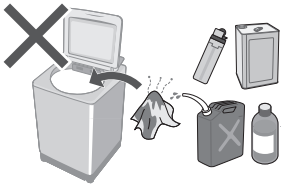

## Có thể gây hỏng hóc.

**Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.**

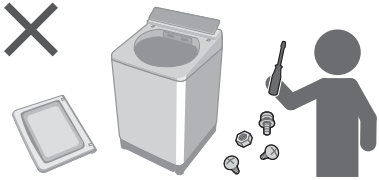

# Lưu ý về an toàn (tiếp)

## ⚠ CẨN THẬN

### Có thể gây thương tích.

**Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.**

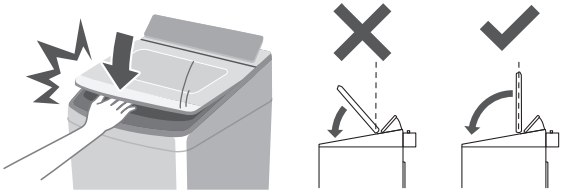

**Không trèo hoặc đặt các vật nặng lên trên máy giặt.**

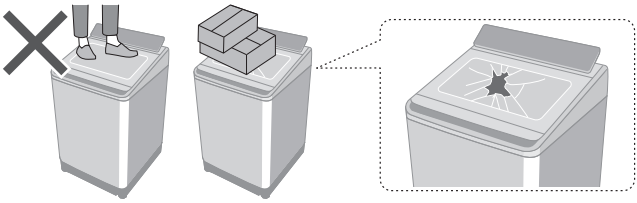

- Nếu nắp bị hỏng, ngừng sử dụng máy giặt ngay lập tức.

**Không chạm vào lồng giặt và nước nóng được xả ra.**

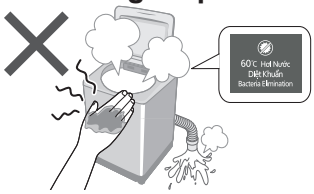


**Không luồn tay hoặc chân xuống dưới gầm máy.**

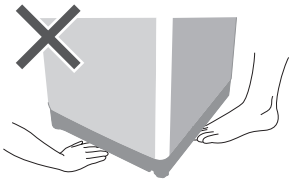

### Có thể gây rò rỉ nước.

**Khóa vòi nước sau khi giặt xong.**

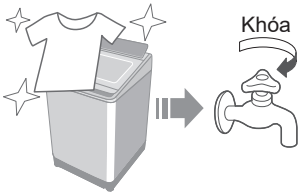


**Sử dụng bộ ống nước mới.**

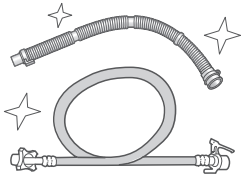

- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Trang 36.

## Có thể gây hỏng hóc.

**Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.**

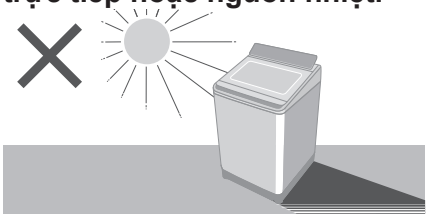

**Không giặt các đồ vật có tính chống thấm nước.**

**Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.**

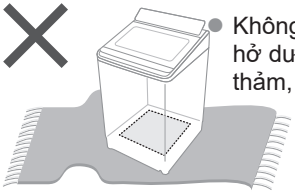

- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

**Không kết nối với nguồn nước nóng.**

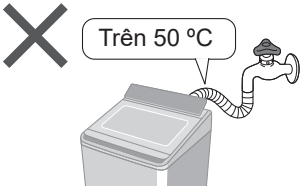


**Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.**

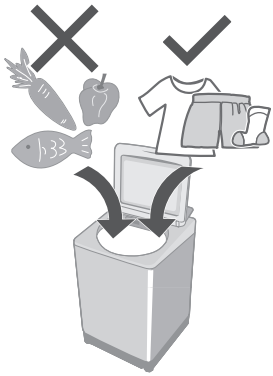

- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

# Tên các bộ phận / Phụ kiện

## Tên các bộ phận

Bảng vận hành (Trang 8)

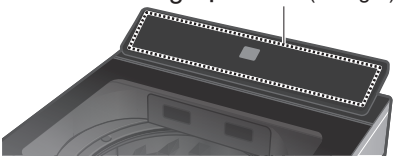

Van cấp nước (Trang 28)

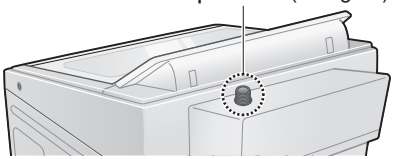

Nắp đậy

Ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả (Trang 12)

Hộp lọc xơ vải (Trang 21)

Lồng giặt

Mâm giặt

Chân điều chỉnh (Trang 29)

Dây nguồn và phích cắm* (Trang 3)

* Hình dạng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Ngăn nạp chất giặt / chất tẩy (Trang 12) (cho cấp chất giặt tẩy thủ công)

Ống thoát nước bên ngoài

## Phụ kiện

☐ Ống cấp nước (1) (Trang 28)

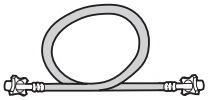

Chiều dài: 1,0 m

☐ Ống thoát nước bên ngoài (1) (Trang 27)

☐ Tấm bọc đáy (1) / Vít (1) (Trang 27)

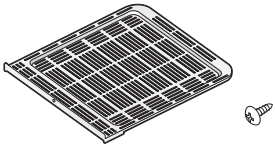

# Trước khi giặt

## Chuẩn bị đồ giặt và kiểm tra

### Kiểm tra trước khi giặt

### Giặt riêng

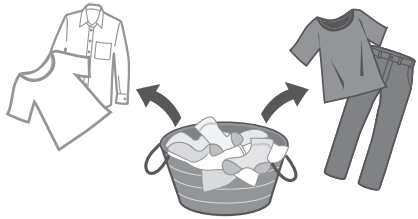

### Sử dụng túi giặt cho đồ mỏng

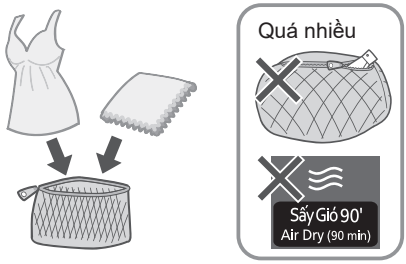


### Đối với chế độ "Stain Master +" (Trang 18)

- Tiền xử lý với các vết bẩn cứng đầu

- Tuân theo các nhãn chăm sóc quần áo.

- Đối với


- Quần áo màu

- Trang phục vải cứng

- Quần áo làm từ vật liệu cao su

- Áo in hình

# Bảng vận hành

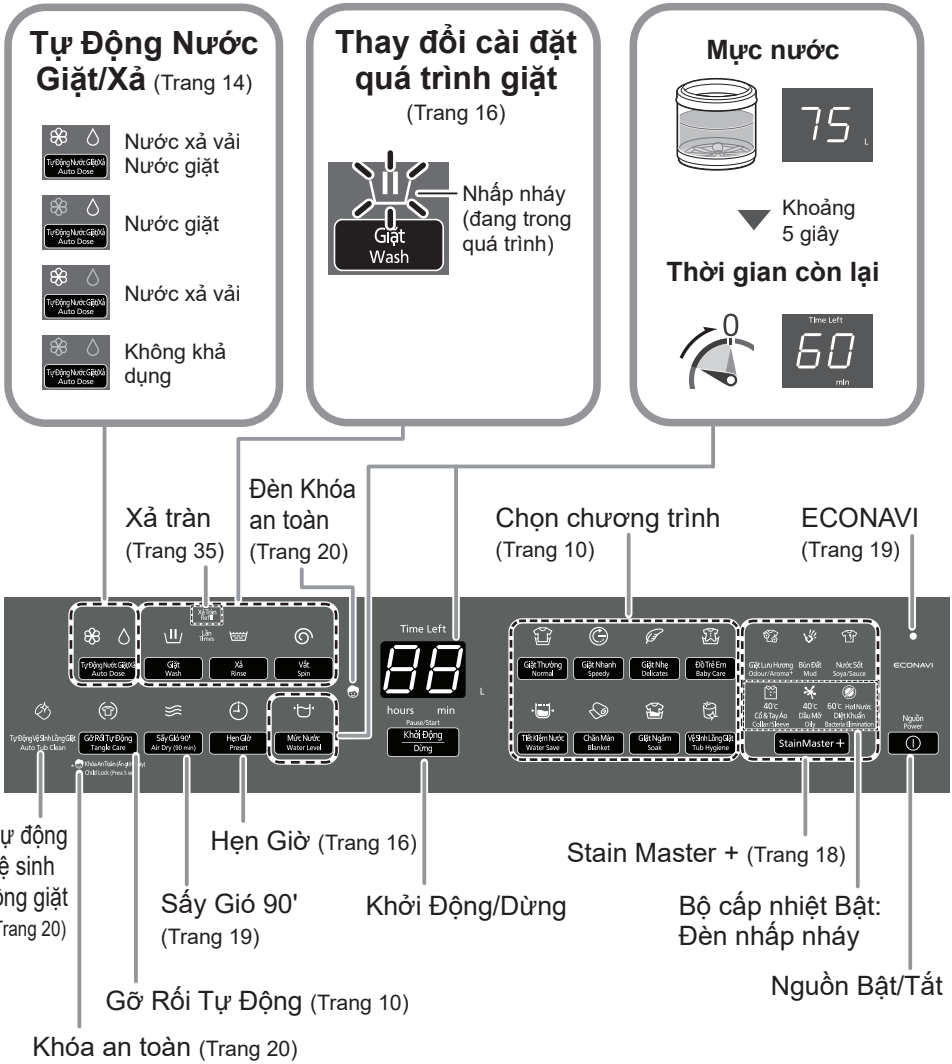


LƯU Ý

- Trong trường hợp mất điện.
  ➠ Máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại.
- Nếu bạn không ấn Khởi Động/Dừng trong vòng 10 phút sau khi bật nguồn.
  ➠ Tự động ngắt điện.
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chế độ “Stain Master +” và “Giặt Ngâm”.

# Giặt

## 1

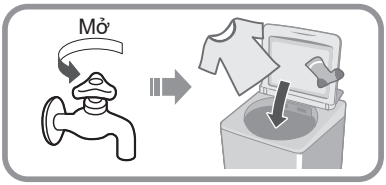

## 2

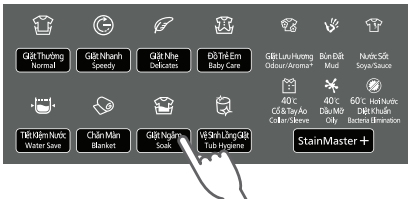

(Trang 10)

**Kiểm tra cài đặt "Tự Động Nước Giặt/Xả"**
(Trang 8, 14)

■ Hẹn giờ

(Trang 16)

## 3

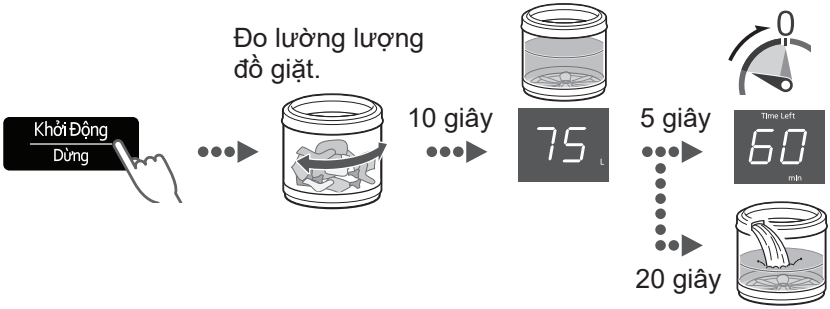


## 4

**(cho cấp chất giặt tẩy thủ công)**

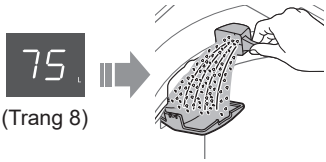


(Trang 8)

(Trang 13)

## 5

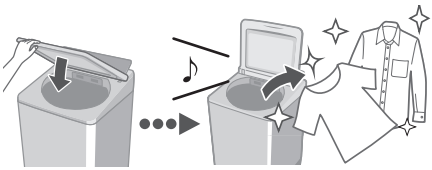

### ■ Sau khi ấn "KHỞI ĐỘNG"

- Để thay đổi từng quá trình (trong khi giặt).

- Để kiểm tra hoặc thay đổi mực nước (trong khi giặt).

- Bạn không thể thay đổi chương trình giặt.

# Các chế độ khác nhau

| | Chế độ | Mục đích | Khối lượng giặt tối đa (kg) |
|---|---|---|---|
| Giặt | **Giặt Thường** (Trang 9) | ● Quần áo thường ngày | (NA-FD115W3) 11,5 (NA-FD105W3) 10,5 |
| | **Gỡ Rối Tự Động** (Trang 9) | ● Chống xoắn rối<br>• Giặt nhẹ nhàng hơn chế độ "Giặt Thường" để giảm xoắn rối.<br>• Bước gỡ rối sau quá trình vắt chỉ có ở khối lượng giặt 6 kg trở xuống. | |
| | **Giặt Nhanh** (Trang 9) | ● Với quần áo ít bẩn | |
| | **Giặt Ngâm** (Trang 9) | ● Quần áo bẩn nhiều<br>Ngâm trước để giặt | |
| | **Đồ Trẻ Em** (Trang 9) | ● Quần áo dành cho trẻ nhỏ & người có làn da nhạy cảm<br>Xả kỹ | |
| | **Tiết Kiệm Nước** (Trang 9) | ● Tiết kiệm nước | |
| | **Chăn Màn** (Trang 17) | ● Chăn màn<br>Được gắn nhãn có thể giặt máy | 4,2 |

| | Chế độ | Mục đích | Khối lượng giặt tối đa (kg) |
|---|---|---|---|
| Giặt | **Giặt Nhẹ** (Trang 17) | ● Giặt nhẹ nhàng | 4,2 |
| Giặt | StainMaster + (Trang 18) | ● Với các vết bẩn dưới đây | 6,0 |
| Giặt | Bẩn ít — **Giặt Lưu Hương** | ● Sử dụng thêm nước xả để giữ mùi hương lâu hơn | |
| Giặt | **Bùn Đất** | | 5,0 |
| Giặt | **Nước Sốt** | | |
| Giặt | **Cổ & Tay Áo (40 ºC)** | | |
| Giặt | Bẩn nhiều — **Dầu Mỡ (40 ºC)** | | |
| Giặt | **Diệt Khuẩn (60 ºC Hơi Nước)** | | |
| Sấy | **Sấy Gió 90'** (Trang 19, 25) | ● Sấy khô quần áo làm bằng sợi tổng hợp | 2,0 |
| Bảo dưỡng | | ● Sấy khô lồng giặt | — |
| Bảo dưỡng | **Vệ Sinh Lồng Giặt** (Trang 25) | ● Vệ sinh lồng giặt<br>Loại bỏ mốc đen và mùi khó chịu | — |

LƯU Ý

- Chế độ “Giặt Thường” và chế độ “Tiết Kiệm Nước” được khuyến nghị cho đồ giặt bẩn thông thường ở khối lượng giặt định mức của máy.

# Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.
- Để vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả (Trang 22)
- Đóng ngăn chứa hoàn toàn trước khi sử dụng.
  Đẩy ngăn chứa vào đến khi nghe tiếng “tách”.

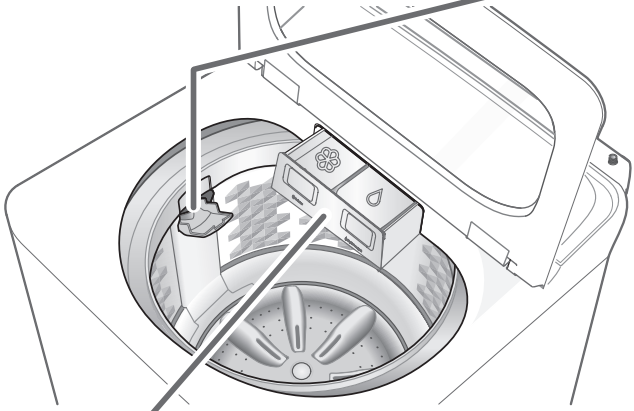

## Ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả

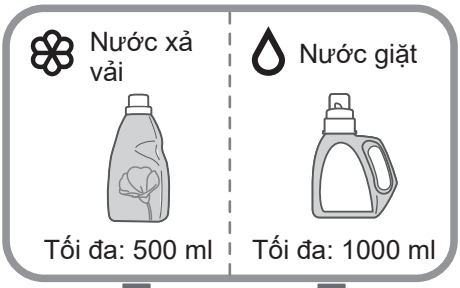


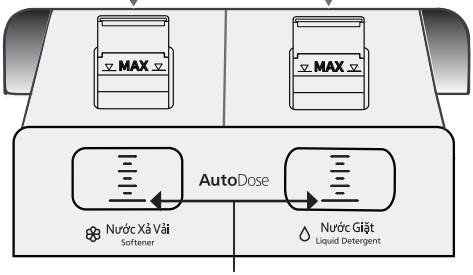


Thêm nước giặt / nước xả vải trước khi nó xuống dưới vạch.

LƯU Ý

- Nước giặt / nước xả để lâu có thể vón cục hoặc đông đặc. Trong trường hợp đó, hãy vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả. (Trang 22)

Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.

## Cho cấp chất giặt tẩy thủ công

# Chất giặt, Chất tẩy

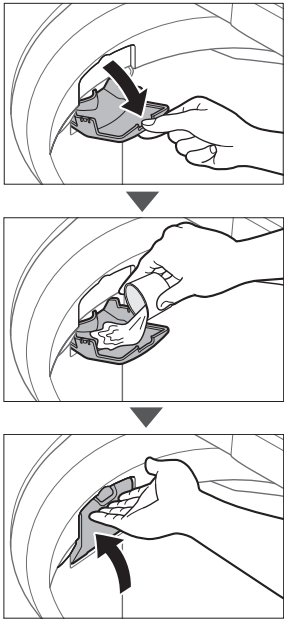

Ví dụ) Chất tẩy dạng lỏng

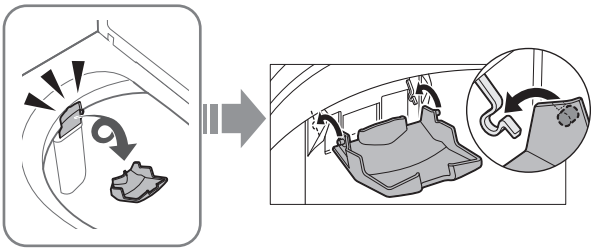

Chất tẩy trắng
(chất tẩy Clo)

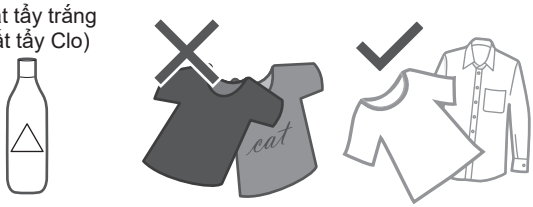


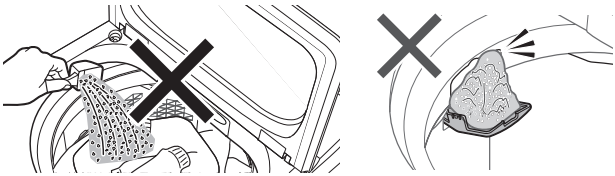

- **Không đổ chất giặt tẩy trực tiếp vào lồng giặt.**
- Mức độ tạo bọt tùy thuộc vào khối lượng đồ giặt, mức độ bẩn, loại chất giặt, và độ cứng của nước.
- Pha loãng chất tẩy với nước trước khi cho vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.
- Đổ chất giặt theo mực nước, tham khảo hướng dẫn trên bao bì sản phẩm.

# Tự Động Nước Giặt/Xả

Nước giặt và nước xả vải sẽ tự động được thêm vào tùy thuộc vào lượng đồ giặt và mức cài đặt, khả dụng với tất cả các chương trình ngoại trừ “Vệ Sinh Lồng Giặt”, “Sấy Gió 90’” và “Tiết Kiệm Nước (chỉ nước xả vải)” (Trang 35).

## ■ Để nạp nước giặt / nước xả vải

**1**

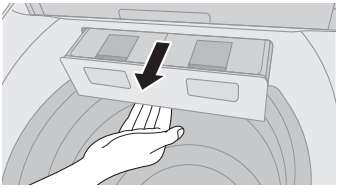

- Ấn lẫy khóa ở bên dưới ngăn chứa và kéo ra.

**2**

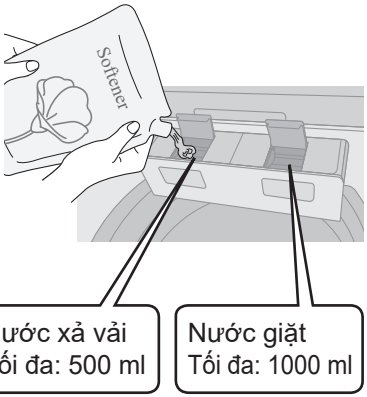


**3** Đóng hoàn toàn nắp ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả.

## ■ Để cài đặt tính năng “Tự Động Nước Giặt/Xả”

**1**

**2**

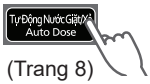


(Trang 8)

(Cài đặt mặc định)

**3**

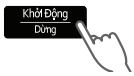


(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

## ■ Lượng tiêu chuẩn

- Nước: 50 L
- Khối lượng giặt: 2,6 ~ 3,3 kg
- Nước giặt: 50 ml
- Nước xả vải: 30 ml

## ■ Để thay đổi lượng nước giặt/xả

**1**

**2**

**Giữ 3 giây**

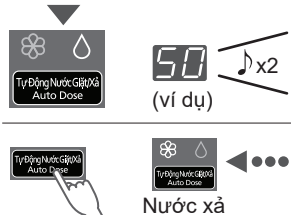


**3**

- Để tăng

- Để giảm

- Phạm vi cài đặt
  - Nước giặt: 10 ml - 95 ml
  - Nước xả vải: 10 ml - 95 ml
    Bước thay đổi: 5 ml

(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

**4**

LƯU Ý

- Nếu có nước trong lồng giặt từ trước, nước giặt và nước xả sẽ không được cấp tự động trong quá trình giặt.

■ **Q&A**

| | Câu hỏi | Trả lời |
|---|---|---|
| Nước giặt / Nước xả vải | **Những gì không thể được sử dụng với tính năng "Tự Động Nước Giặt/Xả"?** | Những điều sau đây không thể được sử dụng:<br>● Bột giặt tổng hợp<br>● Xà phòng lỏng<br>● Các sản phẩm không có nhãn "Số lượng ước tính để sử dụng" trên hộp đựng<br>● Chất tẩy trắng<br>● Bột xà phòng<br>Muối nở không thể được sử dụng cho "Tự Động Nước Giặt/Xả" hay cấp chất giặt tẩy thủ công. |
| | **Khi thay đổi loại nước giặt / nước xả vải** | Làm theo các bước dưới đây:<br>① Đổ hết ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả và vệ sinh. (Trang 22)<br>(Trộn các loại khác nhau có thể gây tắc nghẽn)<br>② Thêm nước giặt / nước xả vải mới. (Trang 14) |
| | **Có thể đổ thêm nước giặt/xả trước khi nó hết không?** | Có thể đổ thêm nếu cùng loại nước giặt/xả. |
| | **Lượng nước giặt/ xả tiêu chuẩn là bao nhiêu?** | ● Lượng tiêu chuẩn là lượng nước giặt / nước xả vải được sử dụng trên mỗi 50 L nước.<br>Kiểm tra thông tin trên bao bì sản phẩm.<br>● Nếu không có thông tin trên hộp đựng hoặc nếu bạn không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà sản xuất. |
| Cách sử dụng "Tự Động Nước Giặt/Xả" | **Có thể giặt bao nhiêu lần khi ngăn Tự Động Nước Giặt/ Xả đầy?** | ● Nước giặt và nước xả vải: khoảng 20 lần<br>(lượng nước giặt và nước xả mặc định cho 2,6 ~ 3,3 kg đồ giặt)<br>Số lần sử dụng thay đổi tùy thuộc vào lượng đồ giặt và lượng cài đặt "Tự Động Nước Giặt/Xả". |
| | **Nếu không thay đổi cài đặt lượng nước giặt /nước xả vải tiêu chuẩn?** | ● Lượng tiêu chuẩn là:<br>• 50 ml nước giặt trên mỗi 50 L nước<br>• 30 ml nước xả vải trên mỗi 50 L nước<br>● Nếu cài đặt không phù hợp với loại nước giặt / nước xả vải bạn đang sử dụng, vết bẩn có thể không bong ra hoặc đồ giặt có thể bị sẫm màu. |
| | **Nếu sử dụng tính năng "Tự Động Nước Giặt/Xả" đồng thời vẫn cho chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.** | Chất giặt sẽ bị quá nhiều do được cấp vào hai lần trong quá trình giặt. |

# Các tùy chọn giặt

## Hẹn Giờ

Cài đặt bao nhiêu giờ sau để kết thúc hoạt động.

1

2

2 phút

Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ

| | |
|---|---|
| Giặt Thường Normal | 2 - 24 |
| Giặt Nhanh Speedy | 1 - 24 |
| Giặt Nhẹ Delicates | - |
| Đồ Trẻ Em Baby Care | 2 - 24 |
| Tiết Kiệm Nước Water Save | 2 - 24 |
| Chăn Màn Blanket | - |
| Giặt Ngâm Soak | 3 - 24 |
| StainMaster + | (Trang 18) |
| Sấy Gió 90' Air Dry (90 min) | - |
| Vệ Sinh Lồng Giặt Tub Hygiene | - |

■ Để xác nhận sau khi cài đặt hẹn giờ

■ Để hủy hoặc thay đổi

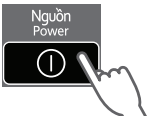


## Giặt / Xả / Vắt

1

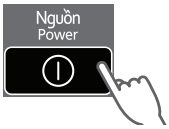


2

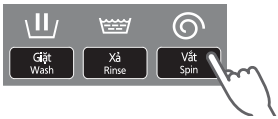


3

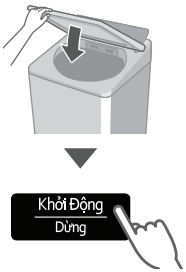


LƯU Ý

- Không khả dụng với chức năng “Gỡ Rối Tự Động”.

## Giặt Nhẹ

| | |
|---|---|
| 65 L | 4,2 kg |
| 55 L | 3,0 kg |

LƯU Ý

### ■ Sau khi máy giặt xong

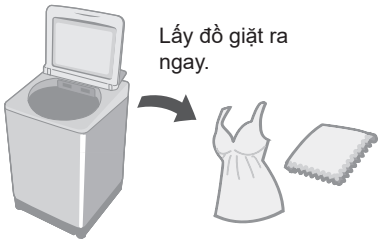


## Chăn Màn

| | |
|---|---|
| Mực nước cao nhất* | 4,2 kg<br>• 100 % sợi tổng hợp<br>• 100 % cotton |

* NA-FD115W3: 75 L / NA-FD105W3: 73 L

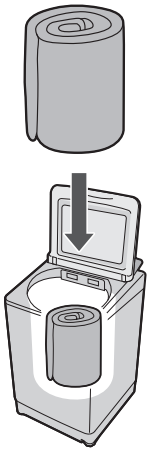

LƯU Ý

LƯU Ý

- Chỉ báo lượng nước hiển thị lượng nước tối đa và không thể thay đổi.

# Các tùy chọn giặt (tiếp)

## Stain Master +

**Chuẩn bị:** (Trang 7)

**1**

**2**

■ Hẹn Giờ (theo tiếng) (Trang 16)

| | |
|---|---|
| Cổ & Tay Áo: | 3 - 24 |
| Dầu Mỡ: | 3 - 24 |
| Diệt Khuẩn: | 4 - 24 |
| Khác: | 2 - 24 |

**3**

**4**

**5**

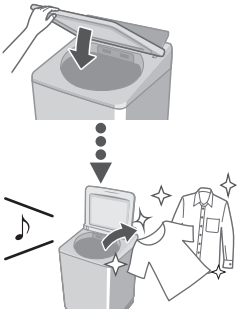

LƯU Ý

- Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)

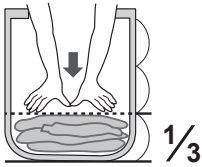


- Mức nước tối đa: 65 L
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chương trình này.
- Khi sử dụng

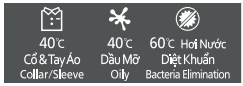


  - Hãy chắc chắn đã đóng nắp máy.

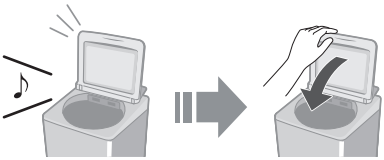

  - Sự đọng sương có thể xảy ra trên nắp máy, v.v.

Đọng sương

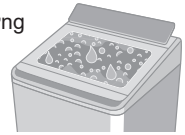

## Sấy Gió 90'

Luồng không khí tạo ra do xoay lồng giặt sẽ loại bỏ nước khỏi quần áo.

- Quần áo có thể sấy: Sợi tổng hợp (Khối lượng tối đa: 2,0 kg)

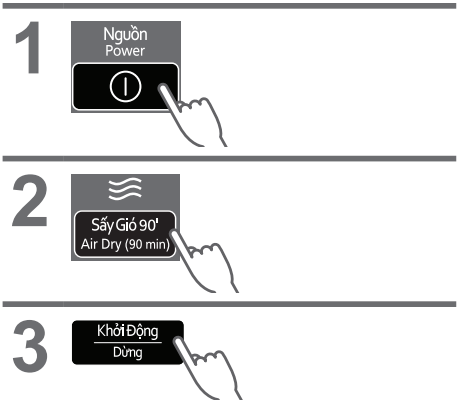


LƯU Ý

- Quần áo có thể không được đủ khô (tùy thuộc vào lượng đồ giặt, loại quần áo và nhiệt độ).
- Vì chức năng này không sử dụng bộ tăng nhiệt nên người dùng có thể thấy đồ giặt bị lạnh và không khô hẳn.

## ECONAVI

- Chỉ khả dụng với chương trình "Giặt Thường"

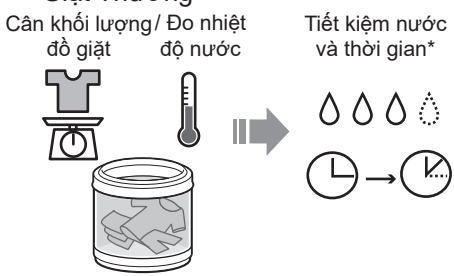


### ■ Chỉ báo bằng đèn

Đang dò tìm

ECONAVI khả dụng

ECONAVI không khả dụng

### ■ Để Bật / Tắt

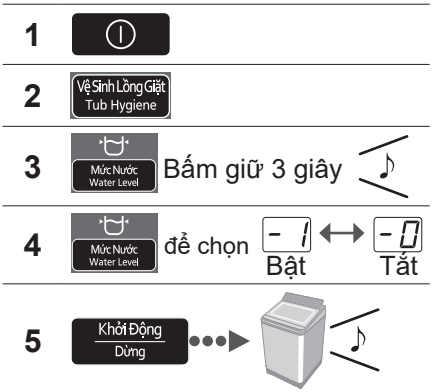


* Điều kiện thử nghiệm:
- Chương trình "Giặt Thường"
- So sánh giữa vận hành có ECONAVI (lượng đồ giặt: 2,0 kg, nhiệt độ nước: trên 35 °C) với vận hành không có ECONAVI (lượng đồ giặt: 11,5 hoặc 10,5 kg (khối lượng định mức), nhiệt độ nước: dưới 15 ºC)
- Thử nghiệm được tiến hành dựa trên tiêu chuẩn IEC60456 ngoại trừ nhiệt độ nước.

# Các chức năng tiện dụng

## Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Để tránh mốc đen, khả dụng với tất cả các chương trình giặt ngoại trừ “Tiết Kiệm Nước” và “Sấy Gió 90'”.

■ **Chỉ báo bằng đèn**

Đang hoạt động

Chức năng khả dụng

Chức năng không khả dụng

■ **Để Bật / Tắt**

1

2


3

Bấm giữ 3 giây

4

để chọn

Tắt Bật

5 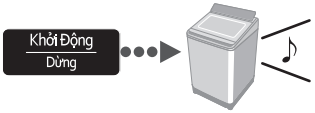


## Tắt còi báo giặt xong

1 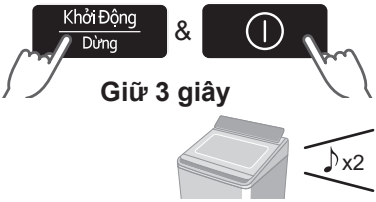


■ **Để cài đặt lại:**
hãy làm tương tự


## Cài đặt chức năng Khóa An toàn dành cho trẻ nhỏ

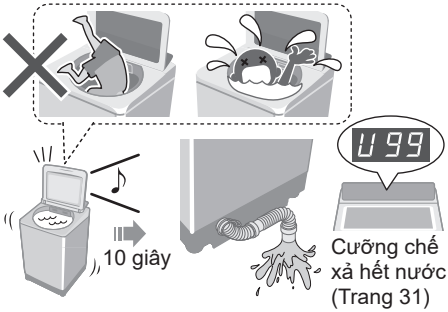


* Chức năng này không khóa nắp và các nút bấm vận hành.

1

2


■ **Để hủy:** hãy làm tương tự


LƯU Ý

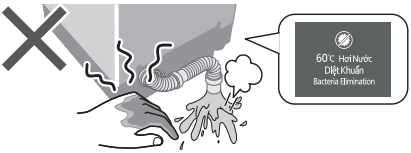

# Bảo dưỡng

## Hộp lọc xơ vải

### Sau mỗi lần hoạt động

1

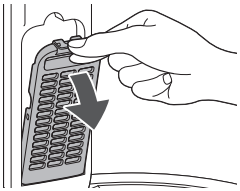

2

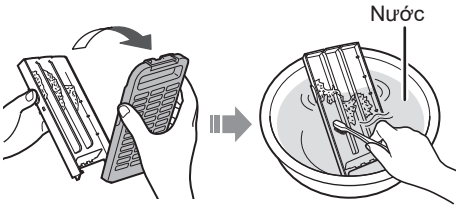


3

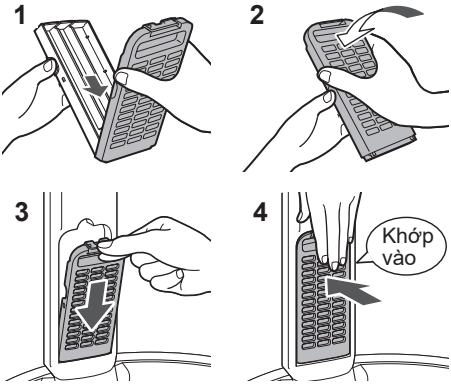


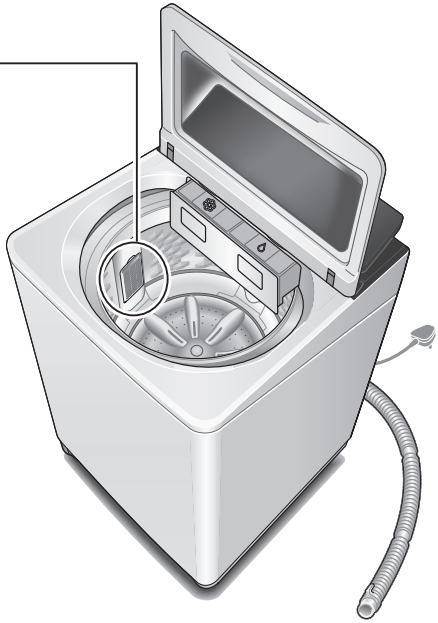

LƯU Ý

Không gắn hộp lọc

Nếu khó tháo hộp lọc, hãy xoay lồng giặt bằng tay

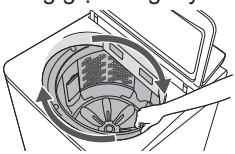

Nếu hộp lọc bị vỡ

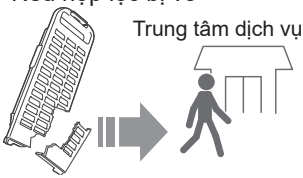

# Bảo dưỡng (tiếp)

## Ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả

| 3 tháng một lần | Khi thay đổi loại nước giặt hoặc nước xả vải | Khi không sử dụng trong hơn 1 tháng |
|---|---|---|

**1** Tháo ngăn ra.

Ấn lẫy khóa ở bên dưới ngăn chứa và kéo ra.

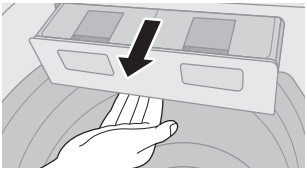

Kéo ra theo đường chéo xuống dưới.

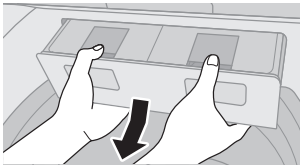

**2** Mở nắp ngăn chứa, tháo các tấm lọc bằng cách sử dụng tua vít đẩy vào lần lượt 2 lỗ trên từng tấm lọc để tháo lẫy rồi kéo tấm lọc ra, sau đó rửa sạch bằng nước.

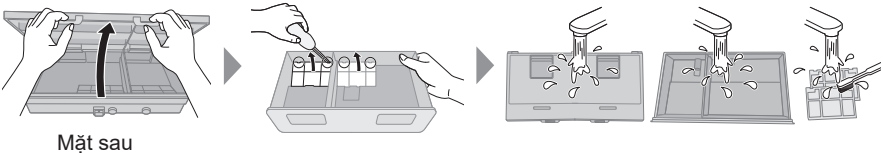


Mặt sau

LƯU Ý

- Không sử dụng lại nước giặt và nước xả vải còn sót lại.
- Không lau phần đầu bơm. (có thể gây tắc nghẽn)

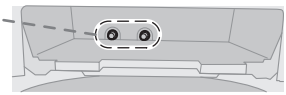

**3** Gắn tấm lọc, đóng nắp và gắn ngăn chứa.

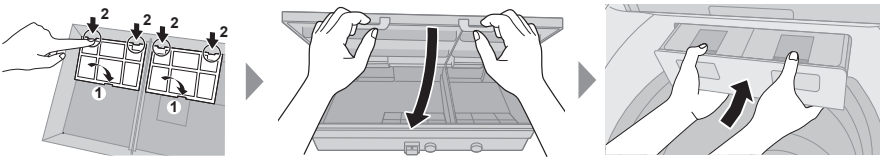

## 4

- Đổ nước vào khoảng nửa ngăn chứa sau đó đẩy ngăn vào hoàn toàn.
- Đóng nắp máy giặt và chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả” để làm sạch ngăn chứa nước giặt và nước xả vải (vệ sinh mỗi ngăn trong 6 phút).

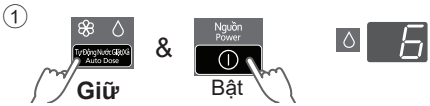


② Chọn ngăn chứa cần vệ sinh

③

- Nếu đầu bơm bị tắc, hãy chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả chuyên sâu” (vệ sinh mỗi ngăn trong 47 phút).

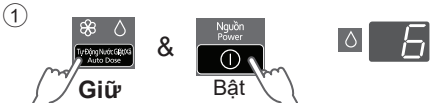


② Chọn ngăn chứa cần vệ sinh

③

④

## 5

Tháo ngăn chứa ra, đổ bỏ lượng nước còn lại và lau sạch, sau đó lắp ngăn chứa vào hoàn toàn.

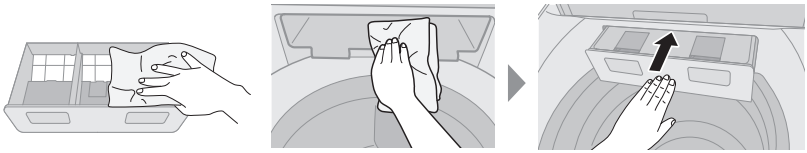

# Bảo dưỡng (tiếp)

## Lưới lọc cấp nước

### Nếu nước không chảy đều

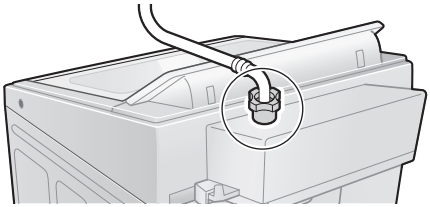

**1**

**2**

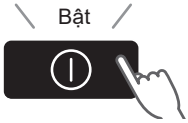


**3**

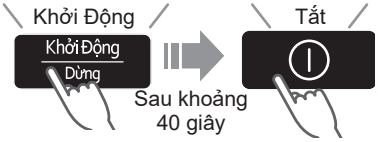


**4**

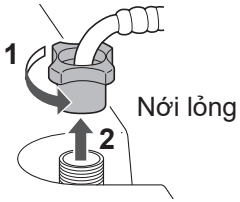


**5**

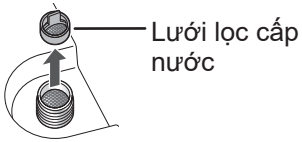


**6**

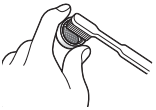

**7**

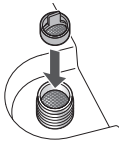

**8**

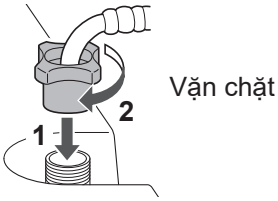


## Thân máy, nắp

**Với vết bẩn nhiều**

Chất tẩy rửa nhà bếp trung tính

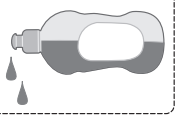

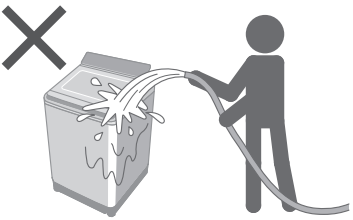

# Lồng giặt

## Mỗi tuần một lần <Sấy Gió 90'>

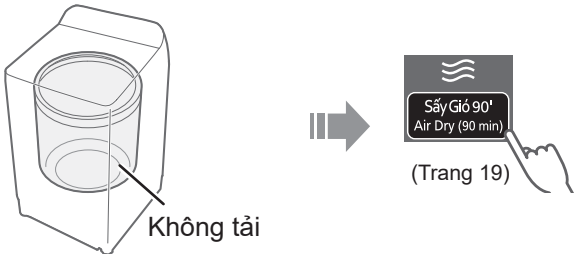


## Mỗi tháng một lần <Vệ Sinh Lồng Giặt>

**1**

**2**

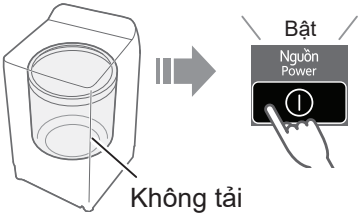


**3**

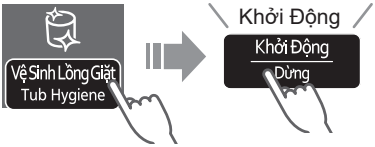


**4**

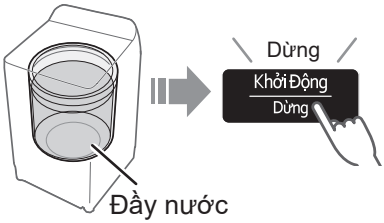


**5**

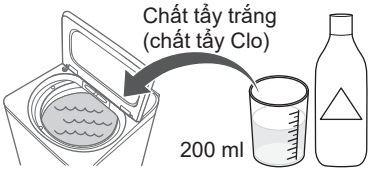


**6**

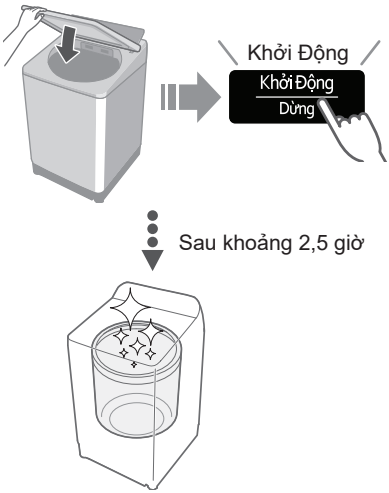

# Lắp đặt

## Kiểm tra vị trí.

## Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

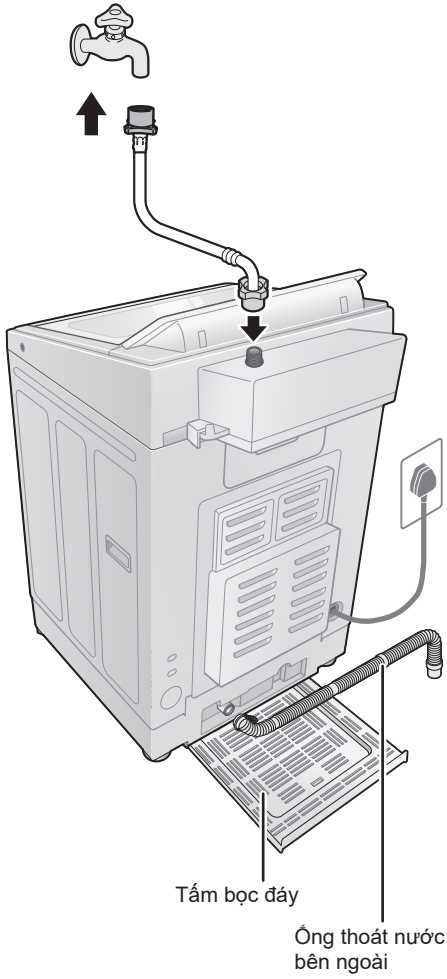

## Lắp tấm bọc đáy

1

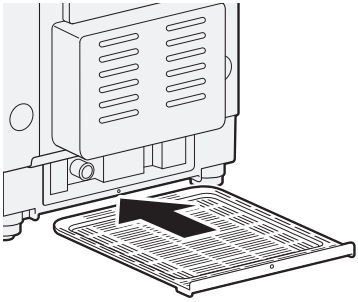

2

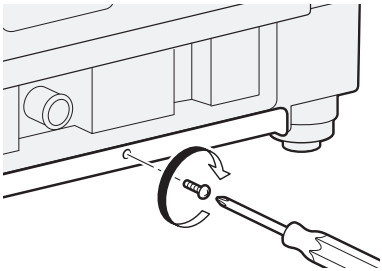

## Gắn ống thoát nước bên ngoài

1

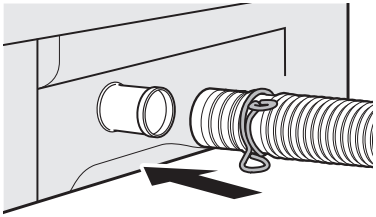

2

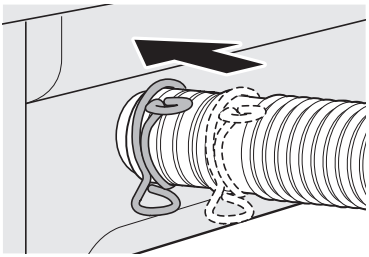

LƯU Ý

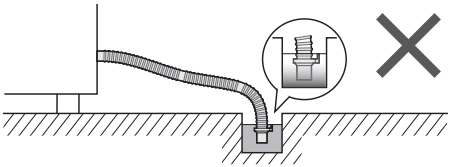

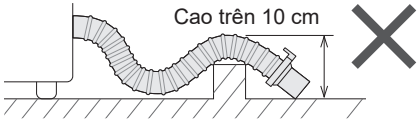


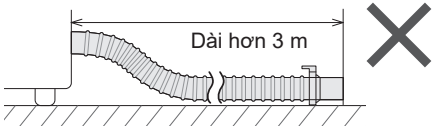

# Lắp đặt (tiếp)

## Nối ống cấp nước

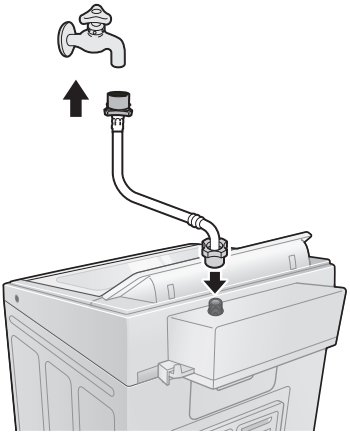

1

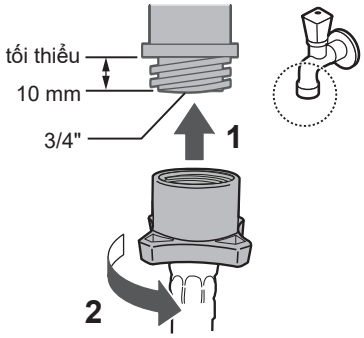


2

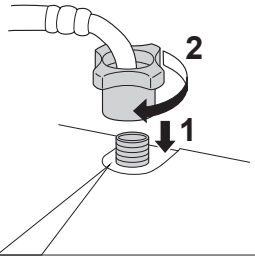


**3**
Kiểm tra xem ống khuỷu có bị lỏng không.

### ⚠ CẨN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

## Nối phích cắm và nối đất

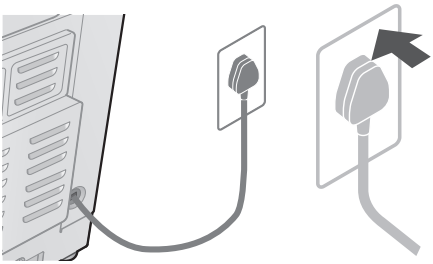

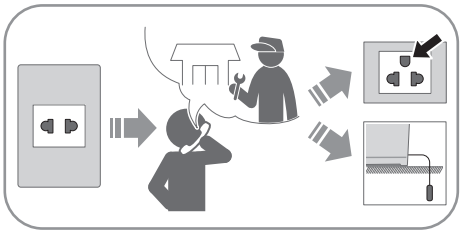

## Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt

■ **Nếu máy không cân bằng**

Nới lỏng

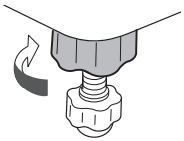

Điều chỉnh

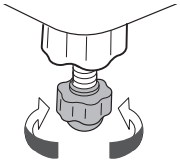

Vặn chặt

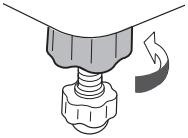

## Vận hành thử

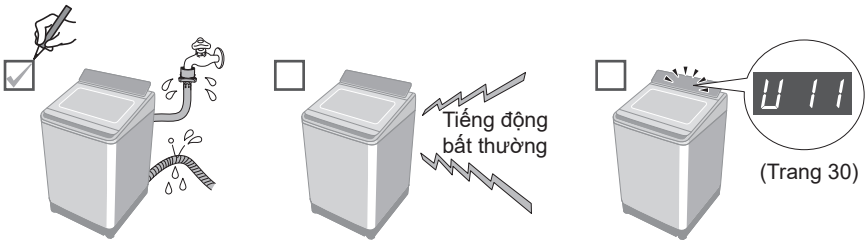


(Trang 30)

# Lỗi hiển thị

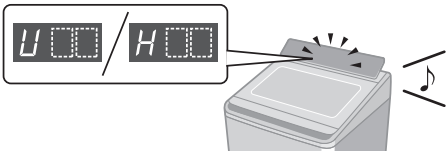


■ **Chuẩn bị**
Hủy bỏ chức năng Khóa An toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 20) nếu đã cài đặt.

| Lỗi hiển thị | Các điểm cần kiểm tra |
|---|---|
| U 11<br>**Không thể xả nước.** | 1 Kiểm tra<br>2<br>Xơ vải<br>Cao trên 10 cm<br>Dài hơn 3 m |
| U 12<br>**Nắp đang mở.** | 1 |
| U 13<br>**Quá trình vắt hoặc chế độ "Sấy Gió 90'" không thể sử dụng được.** | Mất cân bằng<br>1 Sắp xếp lại cân bằng<br>2<br>Vị trí đặt máy bị dốc hoặc không vững chắc<br>1 Vị trí vững chắc<br>2 |

| Lỗi hiển thị | Các điểm cần kiểm tra |
|---|---|
| U 14<br>**Nước không thể cấp.** | <br> |
| U 99<br>**Máy buộc phải xả hết nước ra.** | <br> 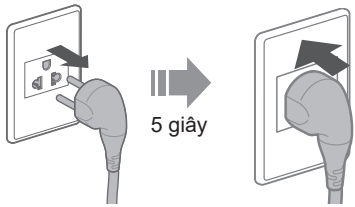 |
| H<br>**Yêu cầu kiểm tra.** | 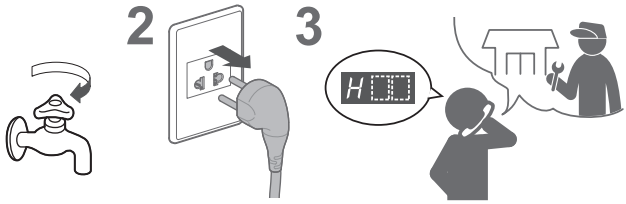 |

# Xử lý sự cố

| | Hiện tượng | Các điểm cần kiểm tra |
|---|---|---|
| Thời gian | **Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi.** | Thời gian hiển thị chỉ mang giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành. |
| Thời gian | **Thời gian vận hành dài hơn thời gian hiển thị.** | Khi quần áo bị mất cân bằng. / Khi xả nước không tốt. / Khi cấp nước không tốt. ➡ Thời gian vận hành có thể dài hơn. |
| Thời gian | **Vận hành dài hơn thời gian hẹn giờ.** | |
| Thân máy | **Không hoạt động** | ☐ Kiểm tra<br>● Mất điện<br>● Cài đặt hẹn giờ<br>☐ Hãy thử<br>● Đóng nắp.<br>● Mở nước.<br>● Cắm chặt dây nguồn.<br>● Ấn "Khởi Động".<br>● Đóng át tô mát. |
| Thân máy | **Không thể thay đổi cài đặt các quá trình (sau khi khởi động).** | ☐ Hãy thử<br>● Trong quá trình giặt<br>1 Dừng 2 3 Khởi Động<br>● Sau quá trình giặt<br>1 Tắt 2 Bật |

| | Hiện tượng | Các điểm cần kiểm tra |
|---|---|---|
| Giặt | **Nước được cấp thêm trong khi giặt.** | Khi mực nước xuống thấp. / Khi lượng đồ giặt lớn. ➠ Nước được tự động cấp thêm. |
| | **Mực nước** | |
| | **quá cao so với lượng đồ giặt** | Khi đồ giặt bị ướt. / Có nước trong lồng giặt trước khi vận hành. ➠ Mực nước có thể cao hơn. |
| | **quá thấp so với lượng đồ giặt** | Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.). ➠ Mực nước có thể thấp hơn. |
| Xả | **Máy đã bắt đầu quá trình xả, nhưng nước không được cấp.** | Khi không có nước trong lồng giặt. ➠ Nước sẽ được cấp sau quá trình vắt. |
| | | Khi có nước trong lồng giặt. ➠ Nước sẽ được cấp sau khi xả và vắt. |
| Vắt | **Máy đột ngột chuyển sang quá trình xả khi đang vắt.** | Nếu quần áo bị mất cân bằng, máy giặt tự động chuyển sang quá trình xả để sắp xếp lại quần áo cho cân bằng. |
| | **Bắt đầu quá trình xả thay vì vắt.** | |
| | **Xoay không đều khi vắt.** | Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm rung động. |

# Xử lý sự cố (tiếp)

| | Hiện tượng | Các điểm cần kiểm tra |
|---|---|---|
| Các sự cố khác | **Mất điện / Nhảy át tô mát.** | Máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động từ điểm dừng lúc trước khi có điện trở lại. 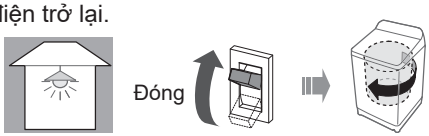  |
| | StainMaster + **không hiệu quả.** | ☐Kiểm tra<br>● Khối lượng giặt tối đa (Trang 11) <br>☐Hãy thử<br>● Tiền xử lý (Trang 7) <br>● Lựa chọn theo loại vết bẩn. (Trang 11) |

# Nội dung các chế độ giặt

| Chế độ | | Tổng thời gian*1 (phút) | Giặt (phút) | Xả (lần) | Vắt (phút) | Tự Động Nước Giặt/Xả | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Nước giặt | Nước xả vải |
| | **Giặt Thường** | 60 | 9 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Gỡ Rối Tự Động** | 70 | 13 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Giặt Nhanh** | 45 | 3 | 2 | 5 | ✓ | ✓ |
| | **Giặt Nhẹ** | 50 | 9 | 2 | 1 | ✓ | ✓ |
| | **Đồ Trẻ Em** | 70 | 9 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Tiết Kiệm Nước** | 85 | 12 | 4 | 5 | ✓ | – |
| | **Chăn Màn** | 70 | 12 | 2 | 5 | ✓ | ✓ |
| | **Giặt Ngâm** | 125 *2 | 71 (Ngâm 59 phút) | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| **Stain Master +** | **Giặt Lưu Hương** | 80 | 13 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Bùn Đất** | 90 | 40 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Nước Sốt** | 115 *2 | 62 (Ngâm 29 phút) | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Cổ & Tay Áo** | 150 *2 | 33 *3 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Dầu Mỡ** | 155 *2 | 38 *3 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Diệt Khuẩn** | 195 *2 | 30 *3 | 2 | 7 | ✓ | ✓ |
| | **Vệ Sinh Lồng Giặt** | 150 *2 | 65 (Ngâm 62 phút) | 2 | 30 | – | – |

*1 **Tổng thời gian chỉ là tương đối (Khi tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 ºC).**

*2 Thời gian còn lại (tối đa 99 phút) sẽ được hiển thị. [- -] ➔ [99]

*3 Chưa bao gồm thời gian đun nóng nước. Ký hiệu [- -] sẽ được hiển thị trong suốt quá trình đun nóng nước.

- "Xả tràn" nghĩa là cấp nước vào lồng giặt tới mực nước thiết lập, sau đó đồng thời vừa thực hiện quá trình xả vải vừa cấp nước vào lồng giặt.

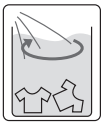

# Thông số kỹ thuật

| Số model | NA-FD115W3 | NA-FD105W3 |
|---|---|---|
| Điện áp định mức | 220 - 240 V | |
| Tần số định mức | 50 Hz | |
| Công suất tiêu thụ định mức | 1475 - 1750 W | |
| Lượng nước tiêu chuẩn | 75 L | 73 L |
| Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) | 11,5 kg | 10,5 kg |
| Kích thước sản phẩm | 639 mm (Rộng) x 719 mm (Dài) x 1083 mm (Cao) | |
| Trọng lượng sản phẩm | 41 kg | |
| Áp suất nước máy | 0,01 - 1 MPa | |

* Hoạt động của máy giặt vẫn được đảm bảo trong điều kiện điện áp dao động từ 195 V tới 245 V, nhưng không đảm bảo về kết quả giặt.

Panasonic Corporation
https://www.panasonic.com
© Panasonic Appliances (Vietnam) Co., Ltd. 2023